

Số: /BC-THCS&THPT

Đồng Phúc, ngày 29 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024-2025
(Công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS&THPT Quảng Khê

2. Địa chỉ: Thôn Nà Chom, xã Đồng Phúc, tỉnh Thái Nguyên.

- Điện thoại: 02093 876 289

- Email: c23quangkhe.dongphuc@thainguyen.edu.vn

- Website: <http://thptquangkhe.backan.vnptweb.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Đơn vị sự nghiệp công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng và sống có trách nhiệm; đội ngũ đoàn kết, tâm huyết, trách nhiệm, có năng lực tốt. Đào tạo các thế hệ học sinh có trình độ, có năng lực tư duy sáng tạo, năng động, có khả năng thích ứng trong cuộc sống.

Tầm nhìn: Phấn đấu là một ngôi trường có uy tín ở địa phương, đào tạo ra những con người mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có đạo đức, có kỹ năng sống, có khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chiến lược: Thực hiện tốt yêu cầu đổi mới chương trình nội dung phương pháp giáo dục, chú trọng giáo dục đạo đức lối sống và hướng nghiệp, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục. Tổ chức cho học sinh tích cực tự học tự rèn luyện trở thành những người công dân văn minh tiến bộ của thời đại từ nhân cách, thể chất, trí tuệ đến kỹ năng làm chủ cuộc sống.

Tập trung đổi mới quản lý trong nhà trường; phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ về cả chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đáp ứng được yêu cầu xã hội. Tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự bồi dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu hội nhập, chủ động và sáng tạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

Xây dựng Trường THCS&THPT Quảng Khê thành nhà trường tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc, vững bước trong thời kỳ hội nhập.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS&THPT Quảng Khê được thành lập từ ngày 01/9/2006 (theo Quyết định số 1782/QĐ - UBND ngày 01/9/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc

thành lập trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quảng Khê), xuất phát điểm nhô từ trường THCS Quảng Khê, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Đến ngày 19/9/2006 Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quảng Khê được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Quảng Khê (theo Quyết định số 1857/QĐ - UBND ngày 19/9/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn).

Ngày 09/12/2022 Trường Trung học phổ thông Quảng Khê tiếp tục được đổi tên trường thành trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quảng Khê (theo Quyết định số 2378/QĐ - UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn).

Hiện tại trường THCS&THPT Quảng Khê là đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên quản lý với chức năng giảng dạy và giáo dục học sinh cấp THCS và cấp THPT của xã Đồng Phúc và các xã lân cận trên địa bàn.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Dương Thị Lanh, Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Nà Chom, xã Đồng Phúc, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02093 876 289

Email: ht.c23quangkhe.dongphuc@thainguyen.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Trường THCS&THPT Quảng Khê được thành lập từ ngày 01/9/2006 (theo Quyết định số 1782/QĐ - UBND ngày 01/9/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thành lập trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quảng Khê).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 442/QĐ-SGDĐT ngày 10/5/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo Bắc Kạn (có quyết định và danh sách kèm theo)

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 80/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2025; các Phó Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 167/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2025; Quyết định số 168/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2025.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

Quyết định số 88/QĐ-THCS&THPT ngày 07/10/2024 Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của trường THCS&THPT Quảng Khê.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

STT	Họ và tên	Chức vụ	Email - Điện thoại
1	Dương Thị Lanh	Hiệu trưởng	ht.c23quangkhe.dongphuc@thainguyen.edu.vn 0988123179
2	Dương Lâm Thái	Phó Hiệu trưởng	Pht1.c23quangkhe.dongphuc@thainguyen.edu.vn 0386010181

3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	01					01								
5	Nhân viên thư viện	01					01								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên bảo vệ	01					01								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	16	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	16	1,68
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	8	0,63
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	01 Lớp/ 01 Phòng	1,68
8	Bình quân học sinh/lớp	33,5 HS/ Lớp	1,68
III	Số điểm trường	0	0
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	22.750,0	42,44
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6895,0	12,86
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	875,52	1,68
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	328,32	0,63
3	Diện tích thư viện (m ²)	82,08	0,15
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	54,6	0,10
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	56	28
1.2	Khối lớp 7	52	26
1.3	Khối lớp 8	52	26
	Khối lớp 9	55	27,5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.1	Khối lớp 10	159	53
2.2	Khối lớp 11	179	59,7
2.3	Khối lớp 12	130	65
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	35	1,28HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	17	
5	Thiết bị khác...	0	

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Sách giáo khoa lớp 12 sử dụng tại Trường THCS&THPT Quảng Khê năm học 2024-2025

Stt	Tên sách (tên bộ sách)	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 12, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 12, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh	
2	Toán 12, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 12, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	
	Chuyên đề học tập Toán 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Nguyễn Thị Kim Sơn	
3	Tiếng Anh 12 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung	Nhà xuất bản Đại học Huế

Stt	Tên sách (tên bộ sách)	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
4	Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Lê Việt Đức	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Đỗ Minh Sơn, Trần Minh Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi	
9	Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Phan Ngọc Huyền, Trần Thiện Thanh, Nguyễn Thị Mai Hoa	
10	Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương.	
11	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chắt, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Trương Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cường, Trương Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh	
12	Hoá học 12 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng, Nguyễn Đình Độ, Đậu Xuân Đức, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hoá học 12 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng, Nguyễn Đình Độ, Đậu Xuân Đức, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	
13	Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Stt	Tên sách (tên bộ sách)	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đinh Đoàn Long	Nam
14	Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tin học 12, Định hướng khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt	
	Chuyên đề học tập tin học 12, Định hướng khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Nguyễn Hoàng Hà, Lê Hữu Tôn	
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
15	Công nghệ 12, Công nghệ Điện – Điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Công nghệ Điện – Điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	
16	Công nghệ 12, Lâm nghiệp – Thủy sản (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Cảnh, Trương Đình Hoài, Đỗ Thị Phụng, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết, Kim Văn Vạn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Lâm nghiệp – Thủy sản (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới, Kim Văn Vạn (đồng Chủ biên), Trương Đình Hoài, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết	
17	Âm nhạc lớp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Tống Đức Cường, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Xuân Hoa (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Tống Đức Cường	
18	Mỹ thuật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Lý luận và Lịch sử MT	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương	
	Hội họa	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh, Nguyễn Thùy Linh	
	Đồ họa (Tranh in)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Trần Văn Đức, Nguyễn Thị May, Hoàng Minh Phúc	
	Điêu khắc	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh	

Stt	Tên sách (tên bộ sách)	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
		Sinh (đồng Chủ biên), Quách Hiền Hòa	
	Thiết kế công nghiệp	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đỗ Đông Hưng, Đỗ Đình Tuyền	
	Thiết kế đồ họa	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vương Quốc Chính	
	Thiết kế thời trang	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Thị Hà, Lê Nguyễn Kiều Trang	
	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Phần, Trần Thanh Việt	
	Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Thúy	
	Kiến trúc	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang	
	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 12	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May	
19	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp lớp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
20	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 9 sử dụng tại Trường THCS&THPT Quảng Khê năm học 2024-2025

Stt	Tên sách (tên bộ sách)	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	
2	Toán 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	
3	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Stt	Tên sách (tên bộ sách)	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
4	Khoa học tự nhiên 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Trương Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử); Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử); Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (Đồng Chủ biên phần Lịch sử); Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên kiêm chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mỹ thuật 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 9 - Mô đun Trồng cây ăn quả Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Hằng năm, nhà trường đều tiến hành tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng để khắc phục các hạn chế chưa đạt theo yêu cầu ở cấp độ cao hơn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Chất lượng học sinh cấp THCS

		Tổng số	Chia ra			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I. Tổng số học sinh xếp loại kết quả rèn luyện		227	58	62	53	54
Chia ra	Tốt	177	42	52	41	42
	Trong đó: - Nữ	100	26	33	20	21
	- Dân tộc	175	42	51	40	42
	- Nữ dân tộc	99	26	33	19	21
	Khá	28	5	5	8	10
	Trong đó: - Nữ	8	2	4	1	1
	- Dân tộc	28	5	5	8	10
	- Nữ dân tộc	8	2	4	1	1
	Đạt	19	8	5	4	2
	Trong đó: - Nữ	3	2	1	0	0
	- Dân tộc	19	8	5	4	2
	- Nữ dân tộc	3	2	1	0	0
	Chưa đạt	3	3	0	0	0
	Trong đó: - Nữ	0	0	0	0	0
	- Dân tộc	3	3	0	0	0
	- Nữ dân tộc	0	0	0	0	0
II. Tổng số học sinh xếp loại kết quả học tập		227	58	62	53	54
Chia ra	Tốt	33	6	13	4	10
	Trong đó: - Nữ	22	3	10	2	7
	- Dân tộc	32	6	12	4	10
	- Nữ dân tộc	22	3	10	2	7
	Khá	75	18	21	18	18
	Trong đó: - Nữ	36	10	12	10	4
	- Dân tộc	75	18	21	18	18
	- Nữ dân tộc	36	10	12	10	4
	Đạt	104	25	25	28	26
	Trong đó: - Nữ	51	15	16	9	11
	- Dân tộc	103	25	25	27	26
	- Nữ dân tộc	50	15	16	8	11
	Chưa đạt	15	9	3	3	0
	Trong đó: - Nữ	2	2	0	0	0
	- Dân tộc	15	9	3	3	0
	- Nữ dân tộc	2	2	0	0	0
III. Số học sinh không xếp loại		0	0	0	0	0

2. Chất lượng học sinh cấp THPT

		Tổng số	Chia ra		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I. Tổng số học sinh xếp loại kết quả rèn luyện		309	119	78	112

		Tổng số	Chia ra		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Chia ra	Tốt	197	59	56	82
	Trong đó: - Nữ	121	40	38	43
	- Dân tộc	196	59	56	81
	- Nữ dân tộc	121	40	38	43
	Khá	73	34	18	21
	Trong đó: - Nữ	23	12	7	4
	- Dân tộc	73	34	18	21
	- Nữ dân tộc	23	12	7	4
	Đạt	32	19	4	9
	Trong đó: - Nữ	4	2	0	2
	- Dân tộc	32	19	4	9
	- Nữ dân tộc	4	2	0	2
	Chưa đạt	7	7	0	0
	Trong đó: - Nữ	0	0	0	0
	- Dân tộc	7	7	0	0
	- Nữ dân tộc	0	0	0	0
II. Tổng số học sinh xếp loại kết quả học tập		309	119	78	112
Chia ra	Tốt	14	4	3	7
	Trong đó: - Nữ	11	4	2	5
	- Dân tộc	13	4	3	6
	- Nữ dân tộc	11	4	2	5
	Khá	126	35	40	51
	Trong đó: - Nữ	89	30	31	28
	- Dân tộc	126	35	40	51
	- Nữ dân tộc	89	30	31	28
	Đạt	155	66	35	54
	Trong đó: - Nữ	48	20	12	16
	- Dân tộc	155	66	35	54
	- Nữ dân tộc	48	20	12	16
	Chưa đạt	14	14	0	0
	Trong đó: - Nữ	0	0	0	0
	- Dân tộc	14	14	0	0
	- Nữ dân tộc	0	0	0	0
III. Số học sinh không xếp loại		0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

I. Công khai dự toán - quyết toán thu chi ngân sách năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
I	Kinh phí chi thường xuyên				
1	Kinh phí chi thường xuyên được giao	9.454.000.000			
2	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các khoản chi		9.412.150.000		
-	Chi thanh toán cá nhân (Chi lương, phụ cấp, chi thường, các khoản đóng góp, chi thanh toán cá nhân..)		8.611.285.096		
-	Chi hàng hóa dịch vụ		529.104.984		
-	Chi khác		271.759.920		
3	Dự toán bị huỷ			41.850.000	Kinh phí thực hiện tiết kiệm theo quy định
II	Kinh phí chi không thường xuyên				
1	Kinh phí chi không thường xuyên được giao	3.657.315.600			
2	Kinh phí chi không thường xuyên thực hiện các khoản chi		3.620.819.592		
-	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ74/2024		186.000.000		
-	Kinh phí NĐ116/2016		1.152.450.000		
-	Kinh phí học bổng HSKT TTLT42		58.752.000		
-	Kinh phí GV dạy lớp có HSKT NĐ28		80.317.992		
-	KP Hỗ trợ CPHT NĐ81/2021		692.250.000		
-	KP cấp bù học phí NĐ81/2021		86.213.600		

-	KP vận chuyển gạo NĐ116/2016		12.873.000		
-	KP sửa chữa theo Nghị quyết 06/2021/HĐND		100.000.000		
-	Kinh phí hỗ trợ thi TN THPT 2024		27.175.000		
-	Tiền mua sắm thiết bị CTGDPT năm 2018		1.201.388.000		
-	Kinh phí trợ cấp lần đầu theo NĐ76/2019		23.400.000		
3	Dự toán bị huỷ (Kinh phí do không thực hiện hết nhiệm vụ)			36.496.008	
	Tổng cộng	13.111.315.600	13.032.969.592	78.346.008	

II. Công khai các khoản thu dịch vụ giáo dục, học phí năm học 2024-2025

STT	Nội dung thu	Mức thu	Số học sinh thu	Tổng thu (đồng)	Ghi chú
1	1. Học phí			12.687.000	
	Bậc THCS	19.000đ/tháng	8 HS thu 100%	1.368.000	Thu 9 tháng
	Bậc THPT	22.000đ/tháng	191 HS thu 70%, 01 Hs thu 100%	11.319.000	Thu 9 tháng
2	Tiền ôn tập văn hóa (Tiền ôn thi TN THPT kỳ I)			62.832.000	
	Bậc THCS	Không thu			
	Bậc THPT (Khối 12)	5.500 đồng/ tiết	112 học sinh x 306 tiết	62.832.000	
3	Tiền phô tô đề kiểm tra/khảo sát/thi thử			22.435.000	
	Bậc THCS	35.000 HS/Năm học	227 HS	7.945.000	
	Bậc THPT	46.000 HS/Năm học	315 HS	14.490.000	
4	Tiền thuê vệ sinh trường, dọn dẹp nhà vệ sinh			39.088.000	
	Bậc THCS	8.000đ/tháng	229 HS	16.392.000	Thu 9 tháng
	Bậc THPT	8.000đ/tháng	316 HS	22.696.000	Thu 9 tháng

II. Công khai các khoản chi dịch vụ giáo dục, học phí năm học 2024-2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung thu	Số tiền thu	Số tiền chi	Số kinh phí tồn
1	Học phí			
-	Số tiền học phí năm học 2024-2025 thu được	12.687.000		
-	Số tiền đã sử dụng		5.580.000	7.107.000
+	Số đã nộp thuế 2% TNDN		111.600	
+	Số đã trích lập cải cách tiền lương		5.468.400	
+	Số tiền học phí HKII năm học 2024-2025			7.107.000
2	Tiền ôn tập văn hóa (Tiền ôn thi TN THPT Kỳ I)			
-	Số tiền năm học 2024-2025 thu được	62.832.000		
-	Số tiền đã chi		55.774.464	7.057.536
+	Nộp thuế TNDN		1.256.640	
+	Chi cho giáo viên trực tiếp lên lớp		45.431.520	
+	Chi cho quản lý		9.086.304	
3	Tiền phô tô để kiểm tra/khảo sát/thi thử			
-	Số tiền năm học 2024-2025 thu được	22.435.000		
-	Số tiền đã chi photo đề, giấy in, giấy nháp		19.471.150	2.963.850
4	Tiền thuê vệ sinh trường, dọn dẹp nhà vệ sinh			
-	Số tiền năm học 2024-2025 thu được	39.088.000		
-	Số đã chi phục vụ vệ sinh trường, dọn dẹp nhà vệ sinh		39.088.000	0

Trên đây là Báo cáo thường niên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024-2025 của Trường THCS&THPT Quảng Khê thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Lãnh đạo đơn vị;
- Các Tổ CM, VP;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Lanh

